

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/TCDS-ST

Ngày 31 - 7 - 2020

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-TCDS ngày 24/12/2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-TCDS ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1952; nơi cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
2. Ông Hoàng Ái N, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn 10, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (Có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị T tham gia tố tụng)
3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (Có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị T tham gia tố tụng)
4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Bị đơn: Ông Hoàng Minh T (T1), sinh năm: 1951

Nơi cư trú: Cụm dân phố 3, tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, Bản tự khai, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, các nguyên đơn ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ái N và bà Hoàng Thị H trình bày:

Trước năm 1950, Ông Hoàng Khắc D và bà Trần Thị C chung sống như vợ chồng tại xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 1967 thì ông D chết. Năm 1980 bà C được Hợp tác xã Q cấp cho một thửa đất, sau đó bà xây dựng nhà một ngôi nhà cấp 4 và ở cùng các con chung cho đến lúc qua đời năm 2009 (không có di chúc). Quá trình chung sống ông D và bà C có 05 người con chung là ông Hoàng Minh T; ông Hoàng Đức T; ông Hoàng Ái N; bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị T. Di sản bà C để lại là thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m²; móng xây đá hộc; tường gạch; mái lợp ngói; trụ cổng cửa sắt kết cấu đơn giản được xây dựng trên thửa đất nói trên.

Năm anh em thống nhất với nhau ngôi nhà này sẽ sử dụng để làm nhà thờ cúng. Đồng thời, do ông T đã ly thân vợ (hiện đang sống một mình không có nơi ở) nên năm anh em cũng đã đồng ý giao ngôi nhà cấp 4 này cho ông T vừa là để trông coi nhà thờ, vừa là để cho ông T có chỗ ở. Tuy nhiên, thời gian qua ông T1 vì nghĩ mình là anh cả nên đã khóa cửa ngôi nhà này, không cho bốn anh em còn lại và các cháu vào nhà thờ thắp hương, làm giỗ. Các anh em đã họp gia đình nhưng không thống nhất được.

Nhận thấy không thể giải quyết được mâu thuẫn này nên ông T, ông N, bà H và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại theo quy định của pháp luật thừa kế.

Về phía bị đơn, tại bản tự khai và quá trình hòa giải, ông Hoàng Minh T trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và thống toàn bộ khối di sản của bà C. Nay các ông Hoàng Đức T, Hoàng Ái N và bà Hoàng Thị H, Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia khối di sản thừa kế đó theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý. Theo đó, ông có nguyện vọng ngôi nhà cấp 4 phải được giữ nguyên để làm nhà thờ; phần đất trống còn lại ông không đồng ý phân chia.

Quá trình hòa giải, hai bên không thống nhất được với nhau về phương thức giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn trình bày quan điểm, nguyện vọng trước tòa. Theo đó, ông T1 xin từ chối nhận phần di sản của mình, giao lại toàn quyền quyết định về di sản cho các thành viên hàng thừa kế còn lại.

Tại phiên tòa Ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ái N và bà Hoàng Thị H thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết “Tranh chấp về người quản lý di sản”. Theo đó các nguyên đơn ông T, bà T và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (ông N, bà Hoa) thống nhất giao lại toàn bộ di sản của bà Trần Thị C cho con trai là Hoàng Đức T quản lý và sử dụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn và bị đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, áp dụng Khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612; khoản 1 Điều 616; Khoản 1 Điều 617; Khoản 1 Điều 618 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử:

Xét xử vắng mặt ông Hoàng Minh T; chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn tại phiên tòa là ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ái N, bà Hoàng Thị H, giao toàn bộ di sản của bà C để lại cho ông Hoàng Đức T trực tiếp quản lý bao gồm: thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m²; móng xây đá hộc; tường gạch; mái lợp ngói; trụ cổng cửa sắt kết cấu đơn giản được xây dựng trên thửa đất nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Quảng M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích

366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m² được xây dựng trên thửa đất nói trên là di sản thừa kế của bà Trần Thị C. Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về người quản lý di sản. Vì vậy, đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Di sản thừa kế mà các bên đương sự xảy ra tranh chấp là thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² và một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m² được xây dựng trên thửa đất nói trên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về xác định di sản của bà Trần Thị C như sau:

Căn cứ vào các tài liệu các đương sự cung cấp; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, các đương sự và Hội đồng xét xử thống nhất xác định di sản mà bà Trần Thị C để lại bao gồm: thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m²; móng xây đá hộc; tường gạch; mái lợp ngói; trụ cổng cửa sắt kết cấu đơn giản được xây dựng trên thửa đất nói trên.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với nguyên đơn: Tại phiên tòa Ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ái N và bà Hoàng Thị H thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết “Tranh chấp về người quản lý di sản”. Theo đó, các nguyên đơn ông T, bà T và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn (ông N, bà H) thống nhất giao lại toàn bộ di sản của bà Trần Thị C cho con trai là Hoàng Đức T quản lý và sử dụng.

Đối với bị đơn: Nội dung đơn trình bày quan điểm, nguyện vọng trước tòa của ông Hoàng Minh T như sau: ông T1 xin từ chối nhận phần di sản của mình, giao lại toàn quyền quyết định về di sản cho các thành viên hàng thừa kế còn lại.

Xét thấy yêu cầu và quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí:

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị T tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 14 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 612; khoản 1 Điều 616; Khoản 1 Điều 617; Khoản 1 Điều 618 Bộ luật dân sự 2015 ; khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Hoàng Minh T.
2. Xác định di sản mà bà Trần Thị C để lại bao gồm: thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m²; móng xây đá hộc; tường gạch; mái lợp ngói; trụ cổng cửa sắt kết cấu đơn giản được xây dựng trên thửa đất nói trên.
3. Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của các đồng nguyên đơn, xác định ông Hoàng Đức T là người trực tiếp quản lý di sản của bà Trần Thị C để lại bao gồm: thửa đất số 440, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 13, có diện tích là 415,9 m²) tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 366m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0577803 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 15/7/1994 mang tên bà Trần Thị C và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 71,38m²; móng xây đá hộc; tường gạch; mái lợp ngói; trụ cổng cửa sắt kết cấu đơn giản được xây dựng trên thửa đất nói trên.
4. Về án phí: Bà Hoàng Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà các nguyên đơn đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002492 ngày 20 tháng 12 năm 2019. Bà Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.
5. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/7/2020 (đối với những người có mặt tại phiên tòa) và trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn